

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ G20**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ G20

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: G20 INTERNATIONAL INVESTMENT CORPORATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: G20 CORP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108912308

**3. Ngày thành lập:** 23/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, ngõ 21, đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0352995555

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở                                                          | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản                                                                                                                                   | 6820        |
| 3.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                    | 2023        |
| 4.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                  | 1079        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                       | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                       | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                        | 4652        |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                       | 4511        |
| 9.  | Sản xuất sợi nhân tạo                                                                                                                                                                                                                                     | 2030        |
| 10. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                               | 2310        |
| 11. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4772        |

|     |                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm chức năng; Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                        | 4632 |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                             | 4789 |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4721 |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4759 |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                | 4773 |
| 17. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                               | 7911 |
| 18. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                        | 7912 |
| 19. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                          | 7990 |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                  | 5210 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                        | 5510 |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                             | 5610 |
| 23. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                     | 5621 |
| 24. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                               | 4610 |
| 26. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                         | 4799 |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.            | 4719 |
| 28. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                         | 3290 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                              | 4791 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                     | 5229 |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh | 7730 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4771 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                   | 4101 |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                             | 4102 |
| 36. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                       | 4211 |
| 37. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                        | 4212 |
| 38. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                   | 4229 |
| 39. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                     | 4292 |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4299 |
| 41. | Phá dỡ                                                                                                                              | 4311 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312 |
| 43. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                      | 7410 |
| 44. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330 |
| 45. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321 |
| 46. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322 |

**6. Vốn điều lệ:** 369.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 36.900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ TRUNG HÒA    | Thôn Diềm Xá, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 29.889.000 | 298.890.000.000       | 81,000    | B8022598                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 29.889.000 | 298.890.000.000       | 81,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TÀI DŨNG | Thôn Đông, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 3.690.000  | 36.900.000.000        | 10,000    | 001078015973                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 3.690.000  | 36.900.000.000        | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                 |                                    |               |                |       |           |  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|-------|-----------|--|
| 3 | ĐỒ TRUNG<br>HỢP | Thôn Diềm Xá,<br>Xã Đắc Sở,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.321.0<br>00 | 33.210.000.000 | 9,000 | 017169517 |  |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000 |           |  |
|   |                 |                                                                                 | Tổng số                            | 3.321.0<br>00 | 33.210.000.000 | 9,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TÀI DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001078015973

Ngày cấp: 15/09/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đông, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội